

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 9 - HẢI PHÒNG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **75/2026/HNGĐ-ST**

Ngày: 29 - 4 - 2026

*“Về Ly hôn, tranh chấp nuôi
con khi ly hôn”*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 9 – HẢI PHÒNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Hà Anh Đông.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Mai và bà Vũ Thị Linh.

- Thư ký phiên toà: Ông Nguyễn Đức Phú, Thẩm tra viên Toà án nhân dân khu vực 9 - Hải Phòng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 9 – Hải Phòng tham gia phiên toà: Bà Vũ Thị Lệ, Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 4 năm 2026, tại Trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 9 – Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 36/2026/TLST-HNGĐ ngày 08 tháng 01 năm 2026, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 60/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 20 tháng 4 năm 2026, về *“Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn”*, giữa:

- Nguyên đơn: Chị **Vũ Thị D**, sinh ngày 29/9/1989. CCCD số: 030189002604; số hộ chiếu: C5997951; nơi cư trú trước khi xuất cảnh: Tổ dân phố Đ, phường T, thành phố Hải Phòng; nơi ở hiện nay: số E, đường V, quận T, thành phố T, Đài Loan (Trung Quốc).

Người được nguyên đơn uỷ quyền nhận văn bản tố tụng của Toà án: Ông **Đoàn Hồng H**, sinh năm 1990. Địa chỉ: Tổ dân phố K, phường C, thành phố Hải Phòng.

- Bị đơn: Anh **Nguyễn Văn T**, sinh ngày 10/4/1985. CCCD số: 030085006614. Nơi cư trú: Tổ dân phố Đ, phường T, thành phố Hải Phòng. Hiện đang chấp hành án tại phân trại số 3 Trại giam H1, Bộ C1.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông **Vũ Văn D1** và bà **Ngô Thị C**.
Đều trú tại: Tổ dân phố số G P, phường C, thành phố Hải Phòng.

Các đương sự đều vắng mặt tại phiên toà.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Theo đơn xin ly hôn, bản tự khai, biên bản lấy lời khai và trong giá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Vũ Thị D, trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Vũ Thị D kết hôn với anh Nguyễn Văn T trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã V, thị xã C, tỉnh Hải Dương (nay là Ủy ban nhân dân phường T, thành phố Hải Phòng) vào ngày 04/12/2009. Sau khi kết hôn vợ/chồng về chung sống cùng nhau tại nhà bố mẹ đẻ của anh T tại tổ dân phố Đ, phường T, thành phố Hải Phòng. Vợ/chồng chung sống với nhau không có hạnh phúc, thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, bất đồng quan điểm, nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng không hợp nhau về tính cách, lối sống, bất đồng quan điểm trong việc làm ăn phát triển kinh tế gia đình và cách chăm sóc, dạy dỗ con cái nên thường xuyên xảy ra cãi vã, dẫn đến cuộc sống gia đình ngột ngạt, tình cảm vợ chồng lạnh nhạt, không có tiếng nói chung. Vợ/chồng đã rất nhiều lần ngồi lại nói chuyện với nhau, mong muốn hóa giải được mâu thuẫn để hàn gắn tình cảm, tuy nhiên mâu thuẫn ngày càng nhiều và trầm trọng hơn. Khoảng đầu năm 2018 thì anh T phạm tội và bị phạt tù, hiện tại anh T đang bị giam giữ tại trại giam P1 - Trại giam H1 có địa chỉ ở phường T, thành phố Hải Phòng. Do ở trong nước làm ăn kinh tế khó khăn nên ngày 18/11/2018 chị D đi xuất khẩu lao động tại Đài Loan, kể từ khi sang Đài Loan, vợ/chồng không liên lạc với nhau. Do mâu thuẫn đã lâu, vợ/chồng sống không có tiếng nói chung, gia đình hai bên cũng đã động viên, hòa giải và khuyên nhủ nhưng không thành. Đến nay, chị D xác định vợ chồng không còn tình cảm, không thể tiếp tục chung sống cùng nhau được nữa nên đề nghị Tòa án nhân dân khu vực 9 - Hải Phòng giải quyết cho được ly hôn với anh T.

- Về quan hệ con chung: Chị Vũ Thị D và anh Nguyễn Văn T có 02 con chung là cháu Nguyễn Thị Ngọc K, sinh ngày 01/10/2010 và cháu Nguyễn Thị Bích P, sinh ngày 09/09/2012. Hiện tại cháu Ngọc K đang ở cùng bà nội là Nguyễn Thị B, địa chỉ: Tổ dân phố Đ, phường T, thành phố Hải Phòng. Còn cháu Bích P đang ở cùng với ông/bà ngoại là ông Vũ Văn D1 và bà Ngô Thị C địa chỉ: Tổ dân phố số G P, phường C, thành phố Hải Phòng. Khi ly hôn, chị D đồng ý để anh T là người trực tiếp chăm sóc và nuôi dưỡng cháu Ngọc K, chị D trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Bích P. Chị D và anh T không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau. Nếu được Tòa án giao trực tiếp chăm sóc và nuôi dưỡng con chung cháu Bích P, chị D tiếp tục ủy quyền cho bố mẹ đẻ là ông Vũ Văn D1 và bà Ngô Thị C thay chị D chăm sóc, nuôi dưỡng con cho đến khi chị D về nước.

- Về quan hệ tài sản chung, nợ chung, công sức chung: Chị Vũ Thị D không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Bị đơn, anh Nguyễn Văn T trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Tôi và chị Vũ Thị D kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có được tự do tìm hiểu, đăng ký kết hôn ngày 04/12/2009 tại Ủy ban nhân dân xã V, thị xã C, tỉnh Hải Dương (nay là Ủy ban nhân dân phường T, thành phố Hải Phòng). Trong quá trình chung sống, vợ/chồng phát sinh mâu thuẫn do bất đồng về quan điểm sống, nguyên nhân chính do tôi vi phạm pháp luật phải đi chấp hành án 17 năm tù. Hiện vợ tôi đi lao động tại Đài Loan, vợ/chồng không còn quan tâm, liên lạc với nhau. Nay chị D xin ly hôn tôi thì tôi đồng ý ly hôn chị D.

- Về quan hệ con chung: Tôi và chị D có 02 con chung là cháu Nguyễn Thị Bích P, sinh ngày 09/09/2012 và cháu Nguyễn Thị Ngọc K, sinh ngày 01/10/2010. Cháu P hiện đang ở với ông Vũ Văn D1 là ông ngoại, địa chỉ: Tổ dân phố số G P, phường C, thành phố Hải Phòng; cháu K hiện đang ở với bà nội là bà Nguyễn Thị B, địa chỉ tại tổ dân phố Đ, phường T, thành phố Hải Phòng. Quan điểm của tôi là khi ly hôn, tôi có nguyện vọng được nuôi cả 02 con chung. Trong thời gian tôi phải chấp hành án, tôi uỷ quyền cho mẹ tôi là bà Nguyễn Thị B nuôi dưỡng các con chung đến khi tôi chấp hành xong hình phạt tù, tôi tự nguyện không yêu cầu chị D phải cấp dưỡng nuôi 02 con chung cùng với tôi.

3. Ý kiến của ông Vũ Văn D1, sinh năm 1957 và bà Ngô Thị C, sinh năm 1960 (là bố/mẹ đẻ chị Vũ Thị D), đều có địa chỉ tại: Tổ dân phố số G, P, phường C, thành phố Hải Phòng: Chúng tôi là bố/mẹ đẻ của cháu Vũ Thị D, anh Nguyễn Văn T là con rể chúng tôi. Về điều kiện kết hôn thì chị D và anh T kết hôn trên tinh thần tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại cơ quan nhà nước có thẩm quyền. Về mâu thuẫn vợ/chồng thì chị D và anh T mâu thuẫn nhiều năm nay, không ai còn quan tâm đến nhau, chị D hiện đang lao động tại Đài Loan, anh T hiện đang chấp hành án phạt tù. Nay chị D xin ly hôn anh T, quan điểm của gia đình tôi là đề nghị Toà án giải quyết theo quy định của pháp luật. Về con chung: Chị D và anh T có 02 con chung, hiện chúng tôi đang trực tiếp nuôi dưỡng cháu Nguyễn Thị Bích P sinh ngày 09/9/2012. Cháu Nguyễn Thị Ngọc K, sinh ngày 01/10/2010 ở bên nội anh T. Trong thời gian qua, chị D có liên lạc về uỷ quyền cho vợ/chồng tôi trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung, chúng tôi hoàn toàn đồng ý. Về điều kiện sinh hoạt, gia đình tôi đủ điều kiện sinh hoạt, chỗ ở để nuôi cả hai cháu. Về điều kiện cấp dưỡng nuôi các cháu, chúng tôi và chị D tự thoả thuận, không yêu cầu Toà án giải quyết. Do chúng tôi tuổi cao, đi lại khó khăn nên chúng tôi xin được vắng mặt tại các buổi làm việc của Toà án và xin vắng mặt tại phiên toà.

4. Ý kiến của bà Nguyễn Thị B, sinh năm 1962 (mẹ đẻ anh T), địa chỉ: tại Tổ dân phố Đ, phường T, thành phố Hải Phòng:

- Ngày 20/3/2026, bà Nguyễn Thị B trình bày: Tôi là mẹ đẻ anh Nguyễn Văn T, chị Vũ Thị D là con dâu tôi. Tôi đã vào thăm gặp anh T tại Trại giam H1, Bộ C1, anh T có trao đổi uỷ quyền cho tôi nuôi dưỡng 02 con chung là cháu Nguyễn Thị

Bích P sinh ngày 09/9/2012 và cháu Nguyễn Thị Ngọc K, sinh ngày 01/10/2010. Tuy nhiên, do điều kiện, hoàn cảnh kinh tế của tôi hiện nay khó khăn nên tôi từ chối nuôi dưỡng 02 cháu, đề nghị Toà án giải quyết theo quy định của pháp luật.

- Ngày 08/4/2026, bà Nguyễn Thị B trình bày: Đến nay tôi vẫn giữ nguyên quan điểm như trình bày trước, do hoàn cảnh khó khăn nên tôi từ chối nuôi dưỡng cháu Nguyễn Thị Ngọc K, sinh ngày 01/10/2010. Hiện nay, cháu K không còn đi học, cháu thường xuyên vắng mặt tại nhà, Toà án đã nhiều lần đến nhà để lấy quan điểm của cháu K nhưng không gặp, có lần cháu về tôi cũng thông báo cho cháu biết về việc bố/mẹ cháu đang làm thủ tục ly hôn tại Toà án, tôi có bảo cháu viết bản trình bày xin ở với ai thì cháu không viết, cháu có nói với tôi nguyện vọng của cháu là xin ở với mẹ Vũ Thị D. Hiện cháu K đi chơi và ở đâu thì tôi cũng không rõ, thì thoảng tôi mới liên lạc với cháu.

5. *Ý kiến của ông Nguyễn Văn T1, Tổ trưởng Tổ dân phố Đ, phường T, thành phố Hải Phòng:* Cháu Nguyễn Thị Ngọc K, sinh ngày 01/10/2010 là con anh Nguyễn Văn T và chị Vũ Thị D, cháu K có đăng ký thường trú tại địa phương, thời gian trước đây cháu có ở cùng bà nội là bà Nguyễn Thị B tại Tổ dân phố Đ, phường T, thành phố Hải Phòng. Do bố cháu hiện đang chấp hành án phạt tù, mẹ cháu hiện đang ở nước ngoài nên cháu K có đi làm ăn xa, địa chỉ cụ thể địa phương không nắm được, thì thoảng cháu mới về. Hiện nay cháu Nguyễn Thị Ngọc K không có mặt tại địa phương.

6. *Ý kiến của cháu Nguyễn Thị Bích P, sinh ngày 09/9/2012, là con chung của chị Vũ Thị D và anh Nguyễn Văn T:* Cháu là con của bố Nguyễn Văn T và mẹ Vũ Thị D, hiện cháu đang sinh sống với ông Vũ Văn D1 tại địa chỉ Tổ dân phố số G P, phường C, thành phố Hải Phòng là ông ngoại, trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu. Nếu bố/mẹ cháu ly hôn thì cháu có nguyện vọng được tiếp tục được ở với mẹ Vũ Thị D và ông/bà ngoại.

7. Tại phiên tòa Nguyên đơn chị Vũ Thị D, anh Nguyễn Văn T có đơn đề nghị xin xét xử vắng mặt và giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

8. Đại diện Viện sát nhân dân Khu vực 9 – Hải Phòng phát biểu quan điểm:

- Về việc tuân theo pháp luật: Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử và nguyên đơn, bị đơn đã chấp hành đúng, đầy đủ quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về quan điểm giải quyết vụ án: Áp dụng khoản 1 Điều 56, Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân gia đình; Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1, 3 Điều 228, Điều 338, Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25/11/2015; Nghị Quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Toà án; Nghị quyết 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao:

+ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Vũ Thị D, cho chị Vũ Thị D được ly hôn anh Nguyễn Văn T.

+ Về con chung: Giao cho chị Vũ Thị D trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng 02 con chung là cháu Nguyễn Thị Ngọc K, sinh ngày 01/10/2010 và cháu Nguyễn Thị Bích P, sinh ngày 09/09/2012 đến khi trưởng thành; tạm giao các con chung cho ông Vũ Văn D1 và bà Ngô Thị C chăm sóc, nuôi dưỡng trong thời gian chị D đi lao động tại nước ngoài. Chấp nhận sự tự nguyện của chị D về việc không yêu cầu anh T phải cấp dưỡng nuôi con chung.

+ Về án phí: Chị Vũ Thị D phải chịu 300,000 đồng án phí sơ thẩm ly hôn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 9 – Hải Phòng, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng:

[1.1]. Chị Vũ Thị D có đơn khởi kiện đề nghị Tòa án nhân dân Khu vực 9 – Hải Phòng giải quyết việc ly hôn giữa chị và anh Nguyễn Văn T; bị đơn, anh Nguyễn Văn T, nơi đăng ký thường trú của anh T trước khi chấp hành án, tại tổ dân phố Đ, phường T, thành phố Hải Phòng. Do vậy, căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự 2015; khoản 2 Điều 1 Luật sửa đổi Bộ luật Tố tụng dân sự, Luật Tố tụng hành chính, Luật Tư pháp người chưa thành niên, Luật Phá sản và Luật Hòa giải, đối thoại tại Tòa án số 85/2025/QH15 ngày 25/6/2025, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 9 – Hải Phòng.

[1.2]. Tại phiên tòa, chị Vũ Thị D, anh Nguyễn Văn T, ông Vũ Văn D1 và bà Ngô Thị C đều có đề nghị Tòa án giải quyết, xét xử vắng mặt. Căn cứ khoản 1 Điều 228 và Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt các đương sự.

[2]. Về nội dung:

[2.1]. Về quan hệ hôn nhân: Chị Vũ Thị D kết hôn với anh Nguyễn Văn T trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn ngày 04/12/2009 tại Ủy ban nhân dân xã V, thị xã C, tỉnh Hải Dương (Nay là Ủy ban nhân dân phường T, thành phố Hải Phòng), là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn vợ/chồng về chung sống cùng nhau tại nhà bố mẹ đẻ của anh T, được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng tính cách, quan điểm sống, kinh tế. Khoảng đầu năm 2018, anh T vi phạm pháp luật phải chấp hành án 17 năm tù giam tại Trại giam H1, Bộ C1. Tháng 11/2018 chị D đi xuất khẩu lao động tại Đài Loan. Vợ/chồng sống ly thân kể năm 2018 đến nay, không còn quan tâm, liên lạc với nhau. Nay, chị D xác định tình cảm vợ/chồng giữa

chị và anh T không còn nên đề nghị Toà án giải quyết được ly hôn với anh T; anh T đồng ý ly hôn với chị D.

Hội đồng xét xử, xét thấy mâu thuẫn vợ/chồng giữa chị D và anh T đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được nên cần chấp nhận yêu cầu của chị D cũng như đề xuất của đại diện Viện kiểm sát tại phiên toà, cho chị D được ly hôn anh T là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[2.2]. Về quan hệ con chung: Chị Vũ Thị D và anh Nguyễn Văn T có 02 con chung là Nguyễn Thị Ngọc K, sinh ngày 01/10/2010 và Nguyễn Thị Bích P, sinh ngày 09/09/2012. Khi ly hôn, anh T có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng cả 02 con chung, uỷ quyền cho mẹ đẻ là bà Nguyễn Thị B thay anh nuôi dưỡng 02 con chung trong thời gian anh phải chấp hành án; chị D ban đầu có nguyện vọng được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu P, đồng ý giao cháu K cho anh T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, tuy nhiên sau khi được biết bà Nguyễn Thị B, là mẹ đẻ anh T không đồng ý nhận uỷ quyền của anh T về việc nuôi dưỡng cháu K nên chị D đã liên lạc, uỷ quyền cho bố mẹ đẻ là ông D1 và bà C thay chị nuôi dưỡng 02 cháu K và P trong thời gian chị lao động tại nước ngoài; cháu P có nguyện vọng được ở với mẹ; cháu K mặc dù Toà án không lấy được ý kiến (do cháu không có mặt tại địa phương), song thông qua bà nội, cháu K có nguyện vọng được ở với mẹ.

Hội đồng xét xử, xét thấy mặc dù anh T có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng cả 02 con chung. Song, hiện tại anh T đang phải chấp hành án nên không có điều kiện để chăm sóc, nuôi dưỡng các con chung, mặt khác mẹ đẻ anh T là Nguyễn Thị B đã từ chối nhận uỷ quyền của anh về việc thay anh nuôi dưỡng các con chung của anh T. Do vậy, để đảm bảo quyền lợi mọi mặt cho các con chung cần chấp nhận yêu cầu của chị D cũng như đề xuất của đại diện Viện kiểm sát tại phiên toà, giao cho chị Vũ Thị D trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng 02 con chung là Nguyễn Thị Ngọc K và Nguyễn Thị Bích P đến khi trưởng thành; trong thời gian chị D đi lao động tại nước ngoài, tạm giao cháu K và cháu P cho ông Vũ Văn D1 và bà Ngô Thị C chăm sóc, nuôi dưỡng đến khi chị D về nước. Chấp nhận sự tự nguyện của chị D về việc không yêu cầu anh T phải cấp dưỡng nuôi con chung.

[2.3]. Về quan hệ tài sản chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3]. Về án phí: Chị Vũ Thị D phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[4]. Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 479 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng: Điều 51, Điều 56, Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và Gia đình; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1, 3 Điều 228, Điều 238, Điều 271, Điều 273 và Điều 479 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 1 Luật sửa đổi Bộ luật tố tụng dân sự, Luật Tố tụng hành chính, Luật Tư pháp người chưa thành niên, Luật Phá sản và Luật Hòa giải, đối thoại tại Tòa án số 85/2025/QH15 ngày 25/6/2025; Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25/11/2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Vũ Thị D: Xử cho chị Vũ Thị D được ly hôn anh Nguyễn Văn T.

2. Về quan hệ con chung: Chị Vũ Thị D và anh Nguyễn Văn T có 02 con chung là Nguyễn Thị Ngọc K, sinh ngày 01/10/2010 và Nguyễn Thị Bích P, sinh ngày 09/09/2012. Giao cho chị Vũ Thị D được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng 02 con chung kể từ tháng 4/2026 đến khi các con chung thành niên (đủ 18 tuổi). Trong thời gian chị Vũ Thị D đi lao động tại nước ngoài, tạm giao 02 con chung cho ông Vũ Văn D1 và bà Ngô Thị C chăm sóc, nuôi dưỡng đến khi chị D về nước. Chị Vũ Thị D tự nguyện không yêu cầu anh Nguyễn Văn T phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Sau khi ly hôn người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con, không ai được cản trở. Cha, mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

3. Về án phí: Chị Vũ Thị D phải nộp 300,000 đồng án phí sơ thẩm hôn nhân và gia đình, được đối trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án ký hiệu: BLTU/26E số 0000167 ngày 07/01/2026 của Thi hành án dân sự thành phố Hải Phòng. Chị Vũ Thị D đã thực hiện xong nghĩa vụ về án phí.

4. Về quyền kháng cáo: Chị Vũ Thị D và anh Nguyễn Văn T, ông Vũ Văn D1 và bà Ngô Thị C vắng mặt tại phiên tòa. Chị Vũ Thị D được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 01 tháng kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật. Anh Nguyễn Văn T được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật. Ông Vũ Văn D1 và bà Ngô Thị C được quyền kháng cáo phần bản án có liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của mình trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

Nơi nhận:

- Các đương sự.
- VKSND Khu vực 9 – Hải Phòng;
- Thi hành án dân sự TP Hải Phòng;
- UBND phường Trần Nhân Tông, TP Hải Phòng (để ghi vào sổ hộ tịch – Số 86, quyển số 01/2009, ngày 04/12/2009);
- Phòng GDKT, TT & THA TAND TP Hải Phòng;
- Lưu: HSVA, TA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Hà Anh Đông